

Khoa Đẩu Đồ Thư và Bách Việt

Người ta thường so sánh các nền văn hóa Á Đông với văn hóa Trung Hoa và văn hóa Ấn Độ có lẽ vì dân số hiện tại và lãnh thổ của hai quốc gia tương đối lâu đời này. Có người còn coi Việt Nam như một quốc gia được phát sinh ra từ một tổng hợp gọi chung là Indochina vì đã có những sắc thái giống cả hai nền văn hóa đó.

Năm 1952, một giả thuyết mới được đưa ra làm thay đổi tất cả các quan niệm xưa. Giả thuyết này gặp nhiều sự chống đối vì đã đi ngược với những định kiến thông thường và suy đoán phổ thông. Theo giả thuyết này, thì tại vùng Đông Nam Á đã có một nền văn hóa nông nghiệp rất sớm khởi đầu nhiều ngàn năm trước khi Trung Hoa và Ấn Độ lập quốc.

Từ năm 1952 đến nay, càng lúc nhiều các di tích và dấu tích lịch sử đã được các nhà khảo cổ khắp nơi trên thế giới tìm ra và định tuổi theo khoa học để xác định sự hiện diện của một xã hội nông nghiệp từ phía nam sông Dương Tử cho tới miền Trung nước Việt; xã hội này đã biết canh trồng từ khoảng 10 ngàn năm về trước, và phát triển kỹ thuật luyện kim và đồ đồng khoảng 5000 năm trước đây. Những cổ vật mới tìm được này đã gây nên phong trào tìm lại nguồn gốc một nền văn minh quan trọng của nhân loại dựa trên nông nghiệp cổ xưa sớm biết sống chung thành làng mạc và hoà hợp với thiên nhiên trái với nếp sống du mục của các sắc dân Bắc phương chuyên về chinh chiến và nếp sống trên lưng ngựa. Sự phát hiện tại vùng Hà Nam những mai rùa có khắc loại chữ cổ không giống chữ Hán và được định tuổi khoảng 8600 năm về trước đã nêu lên một nghi vấn đã có từ lâu về nguồn gốc loại chữ cổ gọi là Khoa Đẩu vẫn tìm thấy trên các di tích tìm thấy tại Việt Nam cũng như nguồn gốc của hai tài liệu rất cổ và có giá trị là Hà Đồ (Vũ Trạ Quan) và Lạc Thư (Nhân Sinh Quan). Với những tiến bộ khoa học và khám phá do các nhà khảo cổ khắp nơi trên thế giới cộng thêm những tài liệu sẵn có, việc xác định nguồn gốc của Hà Đồ, Lạc Thư, và chữ Khoa Đẩu (cổ tự) không còn là một việc khó khăn. Tuy nhiên, chúng ta cần phải dựa vào công trình nghiên cứu của nhiều học giả, các yếu tố lịch sử, tài liệu đứng đắn, và cả đặc tính của các sắc dân sinh sống tại vùng Đông Nam Á trong những thiên niên kỷ đã qua trước khi có thể đi đến một kết luận vững chắc và chính xác. Các yếu tố quan trọng còn tồn tại tới ngày nay và những khám phá mới đây sẽ được ôn lại một cách ngắn gọn để dẫn đến cội nguồn của những di sản tinh thần vô giá này.

Xã hội chính thức của giống Bách Việt đã có một niên hiệu kể từ năm 2879 trước Công Nguyên (4882 năm về trước) khởi đầu cho kỷ nguyên kim loại dựa theo tuổi của những cổ vật tìm được như vũ khí, khí cụ nông nghiệp, và các trống đồng nổi tiếng. Khi phát huy ra kỹ thuật luyện kim, các sắc dân Việt bắt đầu có nhu cầu ngoại giao tìm cách chung sống và tránh những tranh chấp với hậu quả khó lường do loại vũ khí mới bằng kim loại sắc bén và nguy hiểm (so sánh với vũ khí nguyên tử và hiệp ước ngày nay). Đây cũng là thời điểm thành hình của một sức mạnh từ Tây Bắc lãnh đạo bởi Phục Hy (P'u I) tràn sang phía Đông Bắc và tiến dần về phương Nam tạo thành Trung Quốc sau này. Các sắc tộc Việt với nếp sống nông nghiệp và làng xã tự trị đã hợp lại thành một khối gọi là Bách Việt có lẽ là bước đầu của quá trình trở nên một quốc gia.

Trung Hoa hay xã hội Bắc phương dù chính thức được thành lập sau giống Bách Việt nhưng lại bành trướng rất nhanh vì đã dùng võ lực và có một chính sách đồng hóa các nước khác rất tinh vi;

diễn hình như sự hành hạ tiêu diệt các học giả và đốt sách thời Tần Thủy Hoàng, các thái thú Tích Quang và Nhâm Diên xây trường dạy cho dân Việt lễ nghi chữ nghĩa từ Tàu mang qua, Sĩ Nhiếp cấm người Việt dùng ngôn ngữ bản xứ, còn Tô Định và Mã Viện dùng võ lực để cai trị hầu tiêu diệt những nỗ lực duy trì ngôn ngữ và văn hóa địa phương. Những viên chức Tàu cai trị nước Việt còn sử dụng một chính sách đồng hóa hữu hiệu là di dân để mang những tội phạm và dân chúng của họ xuống sống chung với người Việt. Ngày nay đất Việt vẫn còn sắc dân gọi là Mã Lưu vì đã lưu lại sau thời Mã Viện.

Dù đã bành trướng và thu phục rất nhiều các sắc dân trong lịch sử lập quốc nhưng ngày nay Trung Hoa chỉ còn một vài thứ tiếng địa phương và một tiếng nói chung duy nhất gọi là Quan Thoại, Quốc Ngữ, Bắc Kinh, hay Phổ Thông viết bằng Hán tự. Sự chống trả mãnh liệt của tổ tiên giống Lạc Việt qua các cuộc nổi loạn dành lại độc lập, tái thiết văn hóa, và vay mượn chữ Hán để phát âm tiếng Việt (chữ Nôm) đã giúp cho sắc dân Việt bảo tồn lãnh thổ, tiếng nói, và các nét đặc thù dân tộc.

Một xã hội dân chủ tự trị (phép vua thua lệ làng), trọng nữ (mẫu hệ), và bình đẳng (cùng tuổi có cùng giá trị và được xấp chỗ ngồi chung với tú tài, cử nhân, tiến sĩ theo tuổi tác) như xã hội Việt Nam lúc đó dĩ nhiên là có nhiều khuynh hướng khác nhau trong việc tìm cách đối phó với sức mạnh vũ bão của ngoại xâm từ phương Bắc. Một xu hướng có tầm quan trọng lâu dài đối với vận mệnh dân tộc là xu hướng hòa đồng để tiến thân ngay trong xã hội Trung Hoa lúc đó đang trên đà bành trướng phát triển. Hơn nữa, Trung Hoa rất khôn khéo trong vấn đề sử dụng nhân tài nên nhiều người Việt đã ra làm quan cho Tàu; có người Việt đã lên đến chức Tể Tướng Trung Hoa dưới đời Đường (Khuông Công Phụ - Thanh Hoá - thế kỷ VII). Những phối hợp này cộng thêm nếp sống định cư của dân Nông Nghiệp (không thể dời bỏ nơi chôn nhau cắt rốn) đã làm cho chính sách xâm lược đồng hóa của Bắc phương dễ thực hiện hơn sau khi chiếm cứ; nó cũng giải thích phần nào những thiện cảm của con dân Trung Quốc (miễn cưỡng) dành cho người dân và nước Việt sau này.

Sự xâm lăng đô hộ của Trung Hoa cùng với chính sách tinh xảo để xâm chiếm, tước đoạt, và đồng hóa các tộc Việt đã ảnh hưởng sâu đậm khuynh hướng bài ngoại của dân Việt. Đặc biệt nhất là sự phủ nhận mãnh liệt giả thuyết cho rằng người Trung Hoa và người Việt có cùng một nguồn gốc. Sự chối bỏ này được biểu lộ rất rõ qua những thái độ cương quyết của tổ tiên Việt như: Thà Làm Quỷ Nước Nam Còn Hơn Làm Vương Đất Bắc hay Nam Quốc Sơn Hà Nam Đế Cư Cho tới ngày nay người Việt vẫn không ai chịu nhìn nhận nguồn gốc mình đã xuất phát từ văn hóa Trung Hoa mà còn thấy bất mãn hay phật lòng vì đề nghị này. Ngược lại, người Trung Hoa rất hãnh diện và luôn niềm nở cho rằng người Việt và Hoa có chung một nguồn gốc. Tài liệu cổ thư Trung Hoa đa số có tàng ẩn một sự quý trọng dành cho người Việt và những nét đặc thù văn hóa phương Nam. Những dữ kiện này cho thấy giống Bách Việt không những không xuất phát từ Trung Hoa mà luôn phản ứng khước từ giả thuyết này như một đặc tính của dân tộc.

Lãnh thổ và biên cương của giống Bách Việt khi xưa bắt đầu từ phía Nam sông Dương Tử. Ngay sau thời Hùng Vương, Triệu Đà đã dùng thủ đoạn hôn nhân chiếm được Âu Lạc rồi xưng là Nam Di Đại Trưởng Lão với Hán Cao Tổ và được Hán Cao Tổ phân chia lại lãnh thổ từ sau rặng núi Ngũ Lĩnh thuộc về phương Nam để Triệu Đà cai trị từ đó. Sau này khi chị em bà Trưng khởi

nghĩa thì giống Bách Việt hưởng ứng nổi lên khắp nơi. Đền thờ của hai bà vẫn còn tồn tại tận trên phương Bắc vùng Hồ Nam phía dưới sông Dương Tử; gián tiếp xác định lại biên giới lãnh thổ của giống Bách Việt khi xưa. Những chuyện trong bộ Lĩnh Nam Chích Quái cũng dựa vào rằng núi Ngũ Lĩnh như một hàng rào thiên nhiên phân chia giữa Bắc và Nam. Kết quả sau hàng ngàn năm tranh chấp là hầu hết các sắc dân của Hiệp Chúng Quốc Bách Việt đầu tiên (Điền Việt, Đông Việt, Tây Việt, Choang Việt....) đã bị đồng hoá và mất hẳn cội nguồn và lãnh thổ. Choang Việt (một sắc dân của Bách Việt) là một thí dụ điển hình vì cả người lẫn lãnh thổ đã trở thành một phần tử của Trung Hoa ngày nay với dân số khoảng 20 triệu vẫn quy tụ và định cư tại vùng Quảng Đông, Quảng Tây, và Quý Châu. Dân chúng trong vùng này vẫn còn tưởng nhớ tôn kính hai chị em bà Trưng.

Nhân vật Thần Nông rất quan trọng cho cả sử Ta và sử Tàu. Cả hai nước đều nhận Thần Nông là vị vua quan trọng trong lịch sử lập quốc của mình. Sử Tàu nhận Thần Nông là một trong ba vị Vua lập quốc của họ gọi chung là Tam Hoàng gồm có Phục Hy, Hoàng Đế, và Thần Nông. Tuy nhiên, cái tên hiệu Thần Nông đã tự nó giải thích nguồn gốc của vua là Nông Nghiệp và xuất xứ từ phương Nam với khí hậu và sông ngòi thích hợp cho nghề Nông; nơi các nhà khảo cổ mới tìm ra những hạt lúa được định tuổi khoảng trên 10 ngàn năm. Trung Hoa lập quốc sau Bách Việt và chuyển dần từ nếp sống du mục sang nông nghiệp sau khi đã chiếm cứ các tiểu quốc và kỹ thuật canh nông của họ kể cả kỹ thuật dẫn thủy nhập điền của giống Lạc Việt (Việt Nam ngày nay). Hơn nữa ngôn ngữ Bắc phương đặt tính từ lên trước danh từ và sẽ gọi vua là Nông Thần nếu ngài xuất thân từ phương Bắc. Truyền thuyết trong dân gian khắp nơi vùng Đông Nam Á về vị Thần Nông thông thạo về các loại thảo mộc này đã không cho phép sự thay đổi thứ tự tên họ của ngài. Sau này Thần Nông có thêm một tên là Viêm Đế hay Vua Xứ Nóng. Cả tên hiệu này cũng mang đầy tính chất nhiệt đới của phương Nam. Riêng sử Việt thì ghi nhận rõ ràng Kinh Dương Vương (cha của Lạc Long Quân) là cháu bốn đời của Thần Nông.

Phương Nam còn được người Bắc phương coi trọng qua cách cấu tạo và sử dụng ngôn ngữ của họ như Kim Chi Nam hoặc lấy phương Nam làm điểm tận cùng của số 10 (chữ thập + bắt đầu từ Tây sang Đông rồi từ Bắc xuống Nam) để nói lên sự toàn hảo. Đức Khổng Tử khi so sánh sức mạnh của Bắc và Nam đã xác định rằng sức mạnh của phương Bắc là Dũng (can đảm, binh lược) và sức mạnh của phương Nam là Trí và Nhân (nhân từ, đức độ). Sau khi du hành phía Nam gặp qua Lão Tử, Khổng Tử đã ví Lão Tử là một con Rồng của phương Nam. Kinh Dịch được Khổng Tử được soạn lại theo tài liệu tìm được trên lưng một con Rùa. Các vua Trung Hoa có một phương thức cai trị kỳ lạ; nói lên vị trí quan trọng của Bách Việt: Trông Về Phương Nam Mà Cai Trị.

Sự đề cập đến Rồng, Rùa, và thái độ của người phương Bắc đối với phương Nam nói lên một mối tương quan quan trọng giữa hai sắc dân và chủ nhân của những kiến thức và tài liệu về Hà Đồ, Lạc Thư, và Khoa Đầu. Rồng là một vật tổ của Bách Việt bắt nguồn từ một sự thánh hóa, pha trộn giữa rắn và cá sấu để tiêu biểu cho các sắc dân sống ở đồng bằng và biển cả. Vua Việt sử dụng Thuyền Rồng như một biểu tượng đặc sắc của dân tộc. Sau này Rồng được chuyển qua Bắc phương và Tây phương; trong tiến trình này thân mình rồng được thu ngắn lại và thêm cánh để phù hợp với cách nhìn thực tế của giống dân du mục (thân giống ngựa và có cánh để bay). Ngoài Rồng, giống Bách Việt còn chọn Tiên làm vật tổ tiêu biểu cho các sắc dân Bách Việt sống trên vùng cao nguyên đồi núi đồng thời tạo thành một cặp âm dương Tiên-Rồng bắt từ đã phát sinh ra

dân tộc, và nhận diện chủ nhân, bảo vệ chủ quyền của những tài liệu cổ quan trọng cho các thế hệ mai hậu.

Chữ Khoa Đầu (Nòng Nọc) có lẽ là văn tự chính của giống Bách Việt vì ngày nay vẫn được tìm thấy trên các cổ vật như vũ khí, lưỡi cày, và trống đồng. Trên vách đá của dân Mường (một sắc dân Bách Việt) cũng tìm thấy loại chữ này. Cổ thư Trung Hoa tên Ngự Phê Tông Giám Tập Lãm ghi lại năm 2353 trước Công Nguyên (4356 năm), sứ giả nước Việt Thường từ phương Nam qua châu vua Nghiêu và dâng tặng một con Rùa nghìn năm trên mai có khắc chữ Khoa Đầu ghi chuyện Trời Đất (Hà Đồ). Vua Nghiêu sai người dịch chép lại và cho gọi là Quy Dịch. Những chi tiết này cho biết giống Bách Việt đã có một ngôn ngữ riêng, khác biệt cần phải thông dịch sang Hán tự. Rùa là đặc sản quý từ phương Nam được mang lên biểu vua Trung Hoa trong dịp đặc biệt. Với sự cố gắng và phấn đấu của tổ tiên, tiếng Việt dù đã bị cấm đoán nghiêm ngặt qua ngàn năm đô hộ vẫn còn giữ được cho đến ngày nay nhất là những tiếng tượng thanh tượng hình, ý nghĩa sâu sắc, hoặc căn bản dùng ngay từ lúc tập nói (Mặt, Mũi, Miệng, Mắt, Tai, Chân, Tay, Ăn, Uống, Ngủ, Nói, Cười, Tội, Tội, Tội, Tội, Trời, Đất, Ngày, Đêm, Chạy, Chạy, Chạy, Nuốt, Nhai, ...). Chữ Việt thì đã trải qua nhiều lần biến đổi; từ cổ tự sang Hán tự, rồi sang Nôm, và tới chữ quốc ngữ vẫn được dùng ngày nay để ghi lại thứ tiếng nói đặc biệt với sáu âm khác nhau (tiếng Tàu chỉ có bốn âm) .

Tóm lại, người Bắc phương gốc du mục chuyên về võ bị và trận mạc để khắc phục lân bang trong lúc dân phía Nam thiên về nông nghiệp lo định cư, nghiên cứu thời tiết, nhân sinh, và tổ chức nếp sống tương trợ, cộng đồng để hoà hợp giữa người với người và với thiên nhiên. Dù không sáng tạo hay phát huy kiến thức và các công trình xây dựng, người Bắc phương đã hưởng nhiều công lao và thành quả của các sắc dân bị họ đô hộ và đồng hóa. Giống Lạc Việt nhờ địa thế hiểm trở và tính tự cường bất khuất nên còn tồn tại tới ngày hôm nay. Sự tồn tại của Việt Nam sau hàng ngàn năm chinh chiến với Trung Quốc là một ngoại lệ và là chướng ngại lớn cho Trung Hoa trong việc chiếm nhận chủ quyền cho nền văn hóa nông nghiệp, truyền thống, và văn minh Bách Việt (còn được gọi là nền văn minh Đồ Thụ).

Vua chúa và dân Trung Hoa không hề nhận là đã sáng tạo ra Hà Đồ hay Lạc Thư. Trái lại tất cả các truyền thuyết và tài liệu từ cổ thư của họ đều kể hoặc ghi rằng vua Phục Hy được Hà Đồ từ một con Long Mã còn Vũ Vương đã nhận được Lạc Thư từ một con Rùa để theo đó soạn lại, trị nước dạy dân. Kinh dịch của Khổng Tử soạn lại sau này cũng dựa trên tài liệu tìm được trên lưng Rùa. Chủ nhân của Hà Đồ và Lạc Thư đã khôn ngoan ghi khắc những kiến thức về Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh quan trên một môi trường sống và bền bỉ hàng ngàn năm. Việc tìm thấy mai rùa và chữ cổ (8600 năm) gần đây tại Hà Nam vùng Ngũ Lĩnh (ranh giới Bắc Nam do Hán Cao Tổ và Triệu Đà thỏa thuận) là kết quả tốt đẹp của sự lựa chọn khôn ngoan này. Mực, giấy, phim ảnh, CD... của thế giới văn minh ngày nay vẫn chỉ tồn tại được vài trăm năm.

Những yếu tố lịch sử hay di tích tìm ra và được định tuổi đã giúp chúng ta trên đường tìm lại nguồn gốc của Hà Đồ, Lạc Thư và của nền văn hóa Nông Nghiệp Việt Nam cổ xưa. Vì chính sách đồng hóa song song với nghệ thuật dùng người và các tài nguyên chiếm được rất tinh vi của Trung Hoa, chúng ta chỉ có thể dựa vào những khám phá mới này, những tài liệu từ cổ thư còn sót lại, và chính các tài liệu được Trung Hoa quý trọng, bảo vệ để tìm lại di sản tổ tiên Việt đã bị

tước đoạt bằng sức mạnh. Trung Hoa một Hiệp Chúng Quốc đã đến sau Bách Việt và thành hình bằng cách nuốt trọn lãnh thổ và văn hóa của những nước yếu hơn; những gì họ chiếm được đã bị trộn chung và bị tước đoạt chủ quyền. Nhận diện ra những gì của giống Bách Việt ngày nay không còn là điều khó thực hiện; nhất là khi sắc dân Lạc Việt vẫn chưa bị đồng hóa sau nhiều thế kỷ tranh chấp và bị đô hộ mà vẫn giữ được những sắc thái và bản chất dân tộc khác hẳn với đặc điểm của dân Bắc phương. Việt Nam còn tồn tại thì Trung Hoa vẫn không thể nhận chủ quyền những di sản văn hóa và tinh thần gốc nông nghiệp dẫn đến kỷ nguyên kim loại của vùng Đông Nam Á.

Dựa trên sự những yếu tố đã trình bày, chúng ta có thể vẽ lại một khúc quanh lịch sử rất lớn của vùng Đông Nam Á khi khám phá ra cách sử dụng kim loại và thành lập giống Bách Việt (Hiệp Chúng Quốc đầu tiên) 4882 năm về trước. Chúng ta cũng có thể hình dung ra một hiệp ước quan trọng do đại diện của ba khu vực ký kết với nhau: Tây Bắc, Đông Bắc, và Đông Nam Á Châu. Đại diện cho khối Tây Bắc là vua Phục Hy (Pu-I tiếng Tây Bắc là người thứ nhất), đại diện khối du mục vùng Đông Bắc là Hoàng Đế, và đại diện cho giống Bách Việt chính là Viêm Đế hay Thần Nông. Sự kết hợp này đánh dấu cho kỷ nguyên kim loại với trên 2000 năm thái bình, thịnh vượng cho giống Bách Việt. Nó cũng dẫn đến việc Trung Hoa đã nhận cả ba vị đại diện này là những nhân vật sáng lập ra một quốc gia có tên gọi sau này là Trung Quốc. Dĩ nhiên nếu Trung Hoa thành công trong việc đồng hóa Việt Nam thì họ đã có thể coi tất cả những tổ tiên người Việt và di sản truyền thống Việt thuộc về Trung Hoa. Cái tên Trung Quốc đã hàm chứa dụng ý và đường lối phát huy đất nước của người Tàu. Dĩ nhiên Trung Hoa là một quốc gia mạnh và nhiều người tài giỏi vì họ đã sớm biết vay mượn, sử dụng nhân tài, và tài nguyên cùng những cái hay của nhiều sắc dân kể cả các Việt tộc. Sự bành trướng lớn mạnh của Trung Hoa đưa đến sự lui dần của giống Lạc Việt về vùng địa thế hiểm trở phương Nam. Việt Nam vì vậy ngoài sự có ý nghĩa là một giống dân siêu việt sống ở phương Nam còn có thêm một nghĩa khác là Xuôi Nam.

Việt Nam đã có một nguồn gốc phi thường (Việt Thường) dưới hình thức một quốc gia, một Liên Hiệp Quốc, hay Hiệp Chúng Quốc gọi là Bách Việt. Quốc gia này đã xây dựng một xã hội nhân bản nông nghiệp rồi dẫn đầu thế giới trong kỷ nguyên Kim Loại. Sau hàng ngàn năm chống đỡ sức mạnh vũ bão của Bắc phương, giống Lạc Việt của nòi Bách Việt vẫn còn tồn tại và mang theo một truyền thống kiêu hùng. Tổ tiên người Việt đã dày công nghiên cứu các nguyên tắc điều hành vũ trụ theo âm dương ngũ hành và để lại Hà Đồ Lạc Thư cho hậu thế (và làm quà tặng cho Trung Hoa nhiều lần). Sự mai một của một loại chữ Khoa Đầu (có lẽ sớm nhất của nhân loại) là một thiệt thòi chung cho cả Việt Nam, Trung Hoa, và toàn thế giới. Chính sách đốt sách, đốt tài liệu, giết học trò, và đồng hóa bằng võ lực của Trung Hoa đã đưa đến những chiến tranh điều tàn cho nhân loại và sự mai một của nền văn minh Đồ Thư cùng với loại chữ viết sớm nhất trong lịch sử thế giới.

Chúng ta không cần phải tranh dành chủ quyền của Hà Đồ, Lạc Thư, và Khoa Đầu với Bắc phương vì chính Trung Hoa đã trực tiếp và gián tiếp thừa nhận đó là những món quà từ phương Nam đến với vua chúa của họ dưới nhiều hình thức. Những món quà này là công trình nghiên cứu đặc biệt được người Trung Hoa thời ấy coi như báu vật Trời ban riêng cho các Thiên Tử để trị nước, và ngày nay chúng ta vẫn không khỏi thán phục sự thông thái của những nguyên lý vũ trụ, nhân sinh chứa đựng trong Đồ Thư. Đồ Thư là do công khó của loài người không thể từ trời rơi

xuống hay tự nhiên mà có. Hơn nữa văn hóa Trung Hoa không dựa trên khả năng sáng tạo nhưng trên sức mạnh (Dũng) để cưỡng chiếm và đồng hóa. Điều đáng tiếc nhất có lẽ là loại chữ Khoa Đẩu mà người cổ Việt sáng tạo ra và sử dụng hữu hiệu một thời nay đã hoàn toàn bị tiêu diệt và mai một không còn ai biết sử dụng dù bằng chứng sự hiện hữu của nó ngày càng tìm thấy nhiều. Loại chữ này không thể thuộc về Trung Hoa vì họ luôn sử dụng Hán tự và cấm đoán, tiêu diệt các loại chữ khác kể cả Khoa Đẩu.

Quan trọng hơn cả việc tìm lại những di sản cao quý này là con cháu Tiên Rồng phải sống sao cho có đủ tư cách nối gót chủ nhân của Hà Đồ, Lạc Thư, văn tự Khoa Đẩu và xứng đáng với xương máu tổ tiên đã đổ ra để duy trì và bảo tồn từ lãnh thổ đến các sắc thái dân tộc. Người Việt cần phải xây dựng một thể đứng vững mạnh về kinh tế và chính trị cho giống nòi trong kỷ nguyên Điện Toán và Quốc Tế Hóa hôm nay. Giới lãnh đạo phải biết dùng sức mạnh dân tộc (Trí và Nhân) để chuyển hướng dân tộc từ một nền văn minh nông nghiệp với Thương Nghiệp đứng hạng chót (Sĩ, Nông, Công, Thương) sang nền văn minh quốc tế với Thương Nghiệp đi đầu mà vẫn duy trì được cái hay của mình; không cần vay mượn cái dở của người.

Thừa hưởng của tiền nhân một di sản tinh thần to lớn chừng nào thì cũng nhận thêm một gánh nặng trách nhiệm to lớn chừng đó. Cho nên truyền thống Âu Lạc mang lại một niềm kiêu hãnh lạ kỳ cùng với một nỗi đau day dứt không nguôi khi con cháu Tiên Rồng vẫn còn bị thiếu thốn, đàn áp, và nghèo khổ thua kém con dân các quốc gia sinh sau đẻ muộn. Chủ nhân của Đồ Thư và Khoa Đẩu chắc hẳn đã có nhiều kỳ vọng khi khắc lên mai rùa những kiến thức đầy tâm huyết rồi tô điểm những trang sử kiêu hùng theo sau bằng máu, xương để bảo vệ, gìn giữ những di sản phi thường này cho chúng ta.

Phạm Văn Oanh
Giỗ Tổ Hùng Vương 4882